

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3161/2022/DS-ST

Ngày: 22-8-2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai Trâm

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đậu Thị Hải Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức–Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4275/2022/QĐXXST–DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 5094/2022/QĐST–DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5149/2022/QĐXXST–DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Bùi Huy H, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: 41/50 Cầu Xây, tổ 3, khu phố 5, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Đinh Thành A, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 91 đường 447, khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Bùi Thị Đ, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 41/50 Cầu Xây, tổ 3, khu phố 5, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Lê Thị Hảo, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 91 đường 447, khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Huy H trình bày:

Vào ngày 18/7/2018 ông Đinh Thành A và bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông Bùi Huy H) có ký hợp đồng hợp tác khai thác quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thì bà Đ góp 1.000.000.000 đồng với ông A để hợp tác khai thác quyền sử dụng đất có diện tích 1451m<sup>2</sup> thuộc thửa 32 tờ bản đồ 31, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nhưng việc hợp tác khai thác quyền sử dụng đất không thành nên ngày 25/3/2019 ông An cam kết sẽ thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Đ nhưng chia làm hai đợt, đợt 1 ngày 30/3/2019 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng, từ ngày 20/4/2019 đến ngày 25/4/2019 ông A sẽ thanh toán hết số tiền còn lại nhưng ông A không thực hiện, vì vậy ngày 22/7/2019 hai bên thống nhất chuyển sang hợp đồng vay tiền, bên vay là ông Đinh Thành A và bên cho vay là ông Bùi Huy H (chồng của bà Đ).

Theo hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2019 đôi bên thỏa thuận ông Đinh Thành A có vay của ông Bùi Huy H số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 22/7/2019 đến 22/10/2019, lãi suất 18%/12 tháng. Đến hạn, ông H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông A trả nợ nhưng ông A không trả, Vì vậy ông H khởi kiện yêu cầu ông Đinh Thành A trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 22/7/2019 đến ngày 22/10/2019 với mức lãi suất 18%/năm (1.5%/tháng), số tiền 45.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 23/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 22/9/2021 (ngày nộp đơn khởi kiện), số tiền tạm tính 345.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đinh Thành A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn ông Bùi Huy H yêu cầu ông Đinh Thành A trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 22/7/2019 đến ngày 22/10/2019 (3 tháng) với mức lãi suất 18%/năm (1.5%/tháng), số tiền 45.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 23/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (22/8/2022) với mức lãi suất 10%/năm: 1.000.000.000 đồng x 34 tháng x 0,833%/tháng = 283.220.000 đồng, tổng cộng 328.220.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đinh Thành A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hảo vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Đinh Thành A trả ngay một lần số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 328.220.000 đồng cho ông Bùi Huy H khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Huy H nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đinh Thành A. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Đinh Thành A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Yêu cầu đối với nợ gốc: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thì hợp đồng cho cá nhân vay tiền xuất phát từ hợp đồng hợp tác khai thác quyền sử dụng đất lập ngày 18/7/2018 được ký giữa ông Đinh Thành A và bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông Bùi Huy H), theo hợp đồng thì bà Đ góp 1.000.000.000 đồng với ông An để hợp tác khai thác quyền sử dụng đất có diện tích 1451m<sup>2</sup> thuộc thửa 32 tờ bản đồ 31, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch,

tỉnh Đồng Nai nhưng việc hợp tác khai thác quyền sử dụng đất không thành nên ngày 25/3/2019 ông A cam kết sẽ thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Đ nhưng ông A không thực hiện, vì vậy ngày 22/7/2019 hai bên thống nhất chuyển sang hợp đồng vay tiền, bên vay là ông Đinh Thành A và bên cho vay là ông Bùi Huy H (chồng của bà Điệp). Như vậy hợp đồng hợp tác khai thác quyền sử dụng đất lập ngày 18/7/2018 không còn giá trị pháp lý.

Xét hợp đồng vay tiền đôi bên thỏa thuận ông Đinh Thành A có vay của ông Bùi Huy H số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 22/7/2019 đến 22/10/2019, lãi suất 18%/12 tháng. Đến hạn trả nợ, ông A chưa trả khoản lãi và gốc nào, ông H nhiều lần đến nhà yêu cầu ông A trả nợ nhưng ông A không trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức triệu tập hợp lệ nhiều lần cho ông A lên Tòa án để ghi lời khai, thông báo cho ông A về việc cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A vắng mặt không có lý do, không có ý kiến và tài liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án chứng minh đã trả nợ cho ông Hoàng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nguyên đơn ông Bùi Huy H yêu cầu bị đơn ông Đinh Thành A trả số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

## [2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

[2.2.1] Về tiền lãi trong hạn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn từ ngày 22/7/2019 đến ngày 22/10/2019 (3 tháng) với mức lãi suất 18%/năm (1.5%/tháng), số tiền 45.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự: “1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...*”. Như vậy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Về tiền lãi quá hạn: Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự: “*lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 22/7/2019 đôi bên thỏa thuận lãi suất 18%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn ông Bùi Huy H chỉ yêu cầu bị đơn ông Đinh Thành A trả tiền lãi quá hạn tính trên mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn:  $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng} \times 0,833\% / \text{tháng} = 283.220.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.328.220.000 đồng.

[2.3] Nguyên đơn ông Bùi Huy H xác nhận: Tại hợp đồng vay tiền ông H là người đứng tên cho vay nhưng đó là tài sản chung của ông H và bà Đ, bà Đ cũng xác nhận số tiền cho ông An vay là tài sản chung của vợ chồng do đó ông Đinh Thành A có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho ông Bùi Huy H và bà Bùi Thị Đ. Cũng tại hợp đồng vay tiền nêu trên thì ông A là người đứng tên vay và ông Hoàng xác nhận cũng chỉ cho cá nhân ông A vay nên chỉ yêu cầu ông An có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà H (vợ ông A) có trách nhiệm liên đới trả vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Thành A phải nộp số tiền án phí là:  $36.000.000 + (3\% \times 528.220.000 \text{ đồng}) = 51.846.600 \text{ đồng}$

Trả lại cho ông Bùi Huy H số tiền 26.850.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0024456 ngày 26/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Buộc ông Đinh Thành A có trách nhiệm trả cho ông Bùi Huy H và bà Bùi Thị Đ số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 328.220.000 đồng, tổng cộng 1.328.220.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 22/7/2019 và phiếu chi ngày 22/7/2019, trả một lần tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: ông Đinh Thành A phải nộp số tiền án phí 51.846.600 đồng (năm mươi một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hoàn lại cho ông Bùi Huy H số tiền 26.850.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0024456 ngày 26/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mai Trâm**